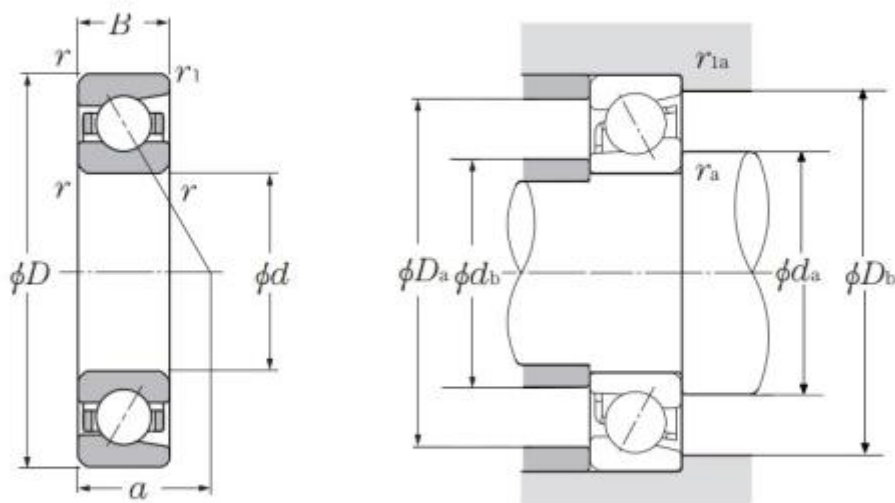


## Bạc đạn NTN 7909UADG/GNP42U3G



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                                        |         |
|----------------------------------------|---------|
| Thương hiệu / Hãng sản xuất            | NTN     |
| d - Đường kính lỗ trục                 | 45 mm   |
| D - Đường kính ngoài                   | 68 mm   |
| B - Chiều rộng                         | 12 mm   |
| d1 - Đường kính ngoài vòng trong       | 52,7 mm |
| d2 - Đường kính gờ của vòng trong      | 50,8 mm |
| D1 - Đường kính gờ/rãnh của vòng ngoài | 60,4 mm |

|                                             |                  |
|---------------------------------------------|------------------|
| D2 - Đường kính trong vòng ngoài            | 64 mm            |
| a - Điểm ứng dụng tải trọng                 | 19,2 mm          |
| $\alpha$ - Góc tiếp xúc                     | 25 °             |
| rs - Bán kính góc lượn tối thiểu            | 0,6 mm           |
| r1s - Bán kính góc lượn tối thiểu           | 0,3 mm           |
| Lớp chính xác                               | P42              |
| Trọng lượng                                 | 0,12 kg          |
| <b>HIỆU SUẤT SẢN PHẨM</b>                   |                  |
| C - Tải trọng động cơ bản danh định         | 18,8 kN          |
| C0 - Tải trọng tĩnh cơ bản danh định        | 14,1 kN          |
| f0 - Hệ số                                  | 16.1             |
| N lim - Tốc độ giới hạn bôi trơn dầu        | 29000 tr/min     |
| N lim - Tốc độ giới hạn bôi trơn mỡ         | 18000 tr/min     |
| Mức tải trước                               | GN               |
| Giá trị tải trước                           | 0,167 kN         |
| Độ cứng trục                                | 127,3 N/ $\mu$ m |
| Độ cứng xuyên tâm                           | 269,5 N/ $\mu$ m |
| Tmin - Nhiệt độ hoạt động tối thiểu         | -20 °C           |
| Tmax - Nhiệt độ hoạt động tối đa            | 120 °C           |
| <b>GIỚI HẠN</b>                             |                  |
| da min - Đường kính vai tối thiểu IR        | 49,5 mm          |
| Da max - Đường kính vai tối đa OR           | 63,5 mm          |
| Db max - Đường kính vai tối đa OR           | 65,5 mm          |
| r1a - Bán kính góc lượn tối đa              | 0,3 mm           |
| ra max - Bán kính góc lượn tối đa trục & vỏ | 0,6 mm           |



**VOBICO.VN**  
NTN Authorized Distributor